

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5316 /BKHDĐT-TH
V/v hướng dẫn xây dựng
KH phát triển KTXH 5 năm
2016 - 2020

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc ngành Kế hoạch và Đầu tư từ ngày 7 đến ngày 8 tháng 8 năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (dưới đây gọi tắt là các bộ, ngành trung ương và địa phương) triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển trong các Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp (đối với các địa phương) về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, các nghị quyết của Chính phủ, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong việc thực hiện kế hoạch hàng năm; đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương phấn đấu hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 ở mức cao nhất.

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 3 năm 2011 - 2013 và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các năm 2014 - 2015, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương quán triệt tinh thần Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đánh giá khách quan, trung thực, đánh giá đúng thực tiễn và đầy đủ kết quả đạt được. Các nội dung chủ yếu cần tập trung đánh giá bao gồm:

1. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển kinh tế, xã hội và môi trường đã đề ra, trong đó làm rõ các kết quả đạt được; các khó khăn vướng mắc, tồn tại, hạn chế; các chỉ tiêu không hoàn thành kế hoạch. Riêng đối với chỉ tiêu tốc độ tăng giá trị tăng thêm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh - GRDP), các địa phương sử dụng số liệu chính thức do Tổng cục Thống kê công bố cho giai đoạn 2011 - 2013; các địa phương phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục Thống kê rà soát, ước thực hiện 2014, dự kiến 2015 và ước thực hiện cả giai đoạn 2011 - 2015, làm căn cứ xây dựng kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

2. Tình hình và kết quả thực hiện 3 đột phá lớn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ. Cần nêu rõ những kết quả cụ thể đã đạt được, như: nghiên cứu tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật; xây dựng các đề án, chương trình kế hoạch; về huy động các nguồn lực; về tổ chức triển khai và tiến độ thực hiện;...

3. Kết quả thực hiện các cân đối lớn của nền kinh tế, gồm: tích lũy, tiêu dùng, tiết kiệm nội địa; cân đối vốn đầu tư phát triển; cân đối thu chi ngân sách nhà nước; cân đối cán cân thanh toán quốc tế; cân đối nguồn điện; nợ Chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia, nợ chính quyền địa phương,... giai đoạn 2011 - 2015.

4. Tình hình và kết quả kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu nền kinh tế và thực hiện các nhiệm vụ, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và cơ cấu nền kinh tế, trong đó chú trọng đánh giá:

a) Kết quả thực hiện kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô bảo đảm cho nền kinh tế phát triển bền vững, gồm: việc điều hành chính sách tiền tệ,

chính sách tài chính, chính sách giá cả, công tác phân tích và dự báo, công tác phối hợp giữa các chính sách kinh tế vĩ mô.

b) Tình hình thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh theo từng ngành, lĩnh vực và địa phương, vùng, lãnh thổ. Trong đó:

- Tập trung đánh giá tình hình thực hiện tái cơ cấu đầu tư, tái cơ cấu thị trường tài chính, tái cơ cấu doanh nghiệp.

- Trong từng ngành, lĩnh vực tập trung đánh giá tái cơ cấu nội bộ của ngành, lĩnh vực. Trong ngành nông nghiệp, tập trung đánh giá về chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, xây dựng các vùng sản xuất tập trung tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp. Trong công nghiệp tập trung đánh giá về chuyển đổi cơ cấu phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo thay thế dần gia công, lắp ráp; sử dụng nguyên liệu trong nước thay thế nhập khẩu, phát triển công nghiệp phụ trợ. Trong các ngành dịch vụ tập trung đánh giá phát triển các ngành dịch vụ truyền thống, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, đóng góp nhiều cho tăng trưởng kinh tế.

- Đối với khu vực doanh nghiệp: đánh giá tình hình tái cơ cấu doanh nghiệp, đặc biệt các DNNN mà trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Trong đó, tập trung đánh giá tình hình sắp xếp, tái cơ cấu theo ngành, lĩnh vực; tái cơ cấu về mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân lực, ngành nghề sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, đầu tư, thị trường, sản phẩm, tình hình thoái vốn đầu tư ngoài ngành. Tình hình phát triển các loại hình doanh nghiệp, đánh giá năng lực cạnh tranh, chất lượng đầu tư và tăng trưởng của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt doanh nghiệp khu vực tư nhân và các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế, bao gồm: nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp và xây dựng; dịch vụ. Phân tích và làm rõ chất lượng tăng trưởng của từng ngành, địa phương; khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu; năng lực sản xuất mới tăng thêm trong giai đoạn 2011 - 2015.

Trong phát triển nông nghiệp và nông thôn, cần đánh giá sâu về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới một cách toàn diện nhằm đạt mục tiêu đã đề ra.

d) Tình hình thực hiện các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực. Bên cạnh những kết quả đạt được, cần phân tích đánh giá những hạn chế trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các vùng, các địa phương; các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

d) Những kết quả về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức. Trong đó đi sâu đánh giá tình hình phát triển và đổi mới giáo dục đào tạo; trình độ khoa học công nghệ, đánh giá về các kết quả nghiên cứu khoa học ứng dụng trong thực tiễn; đóng góp của khoa học công nghệ đến tăng trưởng kinh tế; khai thác và sử dụng các cơ sở vật chất - kỹ thuật, ứng dụng thành tựu khoa học và đổi mới công nghệ.

e) Tình hình thực hiện các mục tiêu về tiến bộ và công bằng xã hội; công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo, giảm chênh lệch giàu nghèo; kết quả đạt được trong các lĩnh vực thông tin, văn hóa, thể dục thể thao,...; tình hình thực hiện các quyền của trẻ em, phát triển thanh niên, chăm sóc người có công và bình đẳng giới; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng,...

g) Kết quả bảo vệ, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

h) Tình hình và kết quả phát triển các vùng kinh tế trọng điểm và các vùng kinh tế khác. Nêu rõ những tồn tại trong liên kết phát triển giữa các địa phương trong vùng về quy hoạch, kế hoạch về xây dựng và thực thi chính sách, phối hợp trong triển khai thực hiện,...

i) Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển, bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn tín dụng đầu tư của nhà nước và tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại, nguồn vốn từ khu vực dân cư, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các khoản viện trợ phi Chính phủ, nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đầu tư của dân cư và tư nhân.

k) Tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; công tác đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế.

1) Các kết quả thực hiện cải cách hành chính, công tác thi hành pháp luật. Cơ chế quản lý và công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch, quản lý nhà nước trong từng ngành, lĩnh vực; chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,...

5. Đánh giá về việc tổ chức, phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm 2011 - 2015.

6. Các giải pháp, chính sách quan trọng đã ban hành để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 đề ra.

7. Trên cơ sở tổng kết đánh giá các nội dung cụ thể nêu trên, đánh giá tổng quát về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, những kết quả đạt được, các hạn chế, yếu kém; các nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan trong hạn chế, yếu kém; cần rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015.

II. Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

Trên cơ sở đánh giá đúng đắn, khách quan tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015, các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực trong giai đoạn tới, dự báo tác động của các diễn biến ở biển Đông ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước; mục tiêu phát triển của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 đã được nêu tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương cần xây dựng trên cơ sở các căn cứ, quan điểm phát triển và các nội dung chủ yếu dưới đây:

1. Các quan điểm phát triển trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm tới cần quán triệt

a) Phải đổi mới toàn diện và đồng bộ, tạo động lực mạnh mẽ, huy động cao nhất mọi nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

b) Phải bảo đảm phát triển bền vững. Tăng trưởng kinh tế phải trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô và nâng cao chất lượng tăng trưởng; kết hợp hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng an ninh.

c) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, nhất là trong phân bổ và sử dụng các nguồn lực; đồng thời Nhà nước phải có công cụ điều tiết, chính sách phân phối để bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội.

d) Phải hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, quản lý xã hội theo pháp luật, phát huy đầy đủ quyền công dân theo Hiến pháp. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Tăng cường dân chủ, trước hết là dân chủ trong hoạt động kinh tế.

đ) Phải phát huy cao nhất nội lực, tạo mọi điều kiện để phát triển mạnh lực lượng doanh nghiệp có sức cạnh tranh cao; đồng thời chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng để huy động các nguồn lực bên ngoài và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững độc lập, chủ quyền, bảo đảm lợi ích quốc gia.

2. Căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020

a) Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020.

b) Các văn kiện, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển kinh tế - xã hội.

c) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

d) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 nêu tại mục I trên đây.

d) Dự báo tình hình kinh tế thế giới, tình hình kinh tế trong nước trong giai đoạn tới.

e) Các quan điểm phát triển nêu tại điểm 1 trên đây và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của cả nước nêu tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014.

3. Các nội dung chủ yếu trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020

Trên cơ sở quán triệt quan điểm phát triển và căn cứ xây dựng kế hoạch nêu trên, đề nghị các bộ, ngành và địa phương chuẩn bị một cách kỹ lưỡng và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 của các ngành, lĩnh vực và địa phương, trong đó cần tập trung vào các nội dung chủ yếu dưới đây:

a) Dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước có tác động, ảnh hưởng tới phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

b) Xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; phù hợp với mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2011 - 2020 và đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương. Cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

c) Dự báo các cân đối lớn của ngành, lĩnh vực và địa phương.

d) Xác định các nhiệm vụ, định hướng và giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực và cơ cấu kinh tế trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành, lĩnh vực, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ, kết hợp phát triển mô hình tăng trưởng xanh, tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia

tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp; tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ tái cơ cấu theo ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ; trong đó cần tập trung vào 3 lĩnh vực chủ yếu: tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công; tái cơ cấu thị trường tài chính, trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính; tái cơ cấu doanh nghiệp, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 về: (i) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; (ii) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; (iii) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

- Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế đi đôi với tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống người lao động.

- Tăng nhanh tiềm lực và bảo đảm an ninh tài chính quốc gia; lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ; ổn định các cân đối vĩ mô; phát triển bền vững thị trường tài chính và thị trường bất động sản,...

- Huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (bao gồm cả nguồn vốn nhà nước và khu vực tư nhân) phục vụ cho phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển giáo dục đào tạo và phát triển mạnh khoa học và công nghệ. Tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ, đưa khoa học công nghệ thực sự giữ vai trò then chốt và trở thành động lực phát triển. Tăng cường hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt

động quản lý nhà nước. Xây dựng các tập đoàn kinh tế và tư nhân mạnh, có năng lực nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ, làm chủ về công nghệ sản xuất, kinh doanh để cạnh tranh trên thị trường quốc tế và trong nước ở một số lĩnh vực, sản phẩm.

- Phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, tăng tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân. Tập trung giảm nghèo bền vững. Khắc phục tình trạng chông chéo, trùng lặp giữa các cơ chế, chính sách về an sinh xã hội và giảm nghèo; rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách bảo đảm tính hệ thống và đồng bộ, khuyến khích người dân thoát nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng. Xây dựng chuẩn nghèo theo thông lệ quốc tế. Điều tra, phân loại và công bố tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo mới. Thực hiện các chính sách lao động, việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Chủ động, tích cực phòng chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đẩy mạnh xã hội hóa, tập trung khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện, nhất là tuyến trung ương; ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, coi trọng và bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa dân tộc; tăng cường công tác thông tin truyền thông; phát triển mạnh phong trào thể dục, thể thao để nâng cao thể chất của người Việt Nam; tăng cường công tác phòng chống tệ nạn xã hội.

- Thực hiện tốt chính sách dân tộc và tôn giáo; thực hiện bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em; phát huy vai trò của người cao tuổi.

- Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai.

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, đặc biệt là tại các địa bàn trọng điểm, vùng biên giới và biển đảo. Tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, nhất là trong bảo vệ chủ quyền trên biển. Phát huy tinh thần yêu nước và sức mạnh của toàn dân tộc trong bảo vệ chủ quyền quốc gia.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, đặc biệt là với các đối tác quan trọng. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để tranh thủ các nguồn lực bên ngoài và mở rộng thị trường. Tạo môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước; nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế.

4. Kinh phí xây dựng kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

Các bộ, ngành trung ương và địa phương ưu tiên bố trí đủ kinh phí từ ngân sách của cấp mình và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, các đoàn thể, các hiệp hội sản xuất và tiêu dùng, cộng đồng dân cư, các nhà đầu tư và doanh nghiệp, các nhà tài trợ và các chuyên gia trong, ngoài nước.

III. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các cân đối lớn về tài chính, ngân sách nhà nước, trong đó bảo đảm chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý, phân đầu theo tỉnh thành Kết luận Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (số 63-KL/TW ngày 27 tháng 5 năm 2013); dự báo khả năng cân đối tài chính quốc gia; nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 01 năm 2015.

2. Các bộ, ngành cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước:

a) Hướng dẫn các ngành, các cấp xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 trong tháng 8 năm 2014.

b) Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương phù hợp với định hướng phát triển của đất nước và của ngành mình, cấp mình theo các nội dung và yêu cầu nói trên trình cấp có thẩm quyền; đồng thời, báo cáo các cơ quan cấp trên, các cơ quan Trung ương theo tiến độ quy định. Gửi dự thảo báo cáo kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước

ngày 30 tháng 11 năm 2014. Báo cáo gửi bằng văn bản (2 bản) và gửi qua thư điện tử theo địa chỉ thktqd@mpi.gov.vn.

c) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch theo đúng thời gian quy định.

3. Trong Quý IV năm 2014 và Quý I năm 2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức làm việc với một số bộ, cơ quan Trung ương, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của cả nước trình Chính phủ, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và Quốc hội theo tiến độ quy định.

Việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 là rất quan trọng để phục vụ cho đại hội Đảng các cấp. Tuy nhiên, thời gian triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội còn lại không nhiều, trong khi khối lượng công việc lớn, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương tập trung chỉ đạo khẩn trương triển khai xây dựng và hoàn thành báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; và các phụ lục về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 theo các mẫu biểu kèm theo văn bản này; gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư đúng thời gian quy định.

Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xử lý, hướng dẫn bảo đảm thực hiện theo đúng tinh thần Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 5 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg và các PTTg;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Ban quản lý các KKT, KCN;
- Sở KH&ĐT;
- Cục thống kê;
- Các đơn vị trong Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH (5 bản). 4.400

BỘ TRƯỞNG



Bùi Quang Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1463/SY-UBND

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 26 tháng 8 năm 2014

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, K1;
- Lưu: VT (12b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình